

## Dhammapada 216

**Tañhāya jāyatī soko, tañhāya jāyatī bhayaṃ;  
Tañhāya vippamuttassa, natthi soko kuto bhayaṃ.**

**Tañhāya jāyatī soko, tañhāya jāyatī bhayaṃ;**  
From craving | arises | sorrow | from craving | arises | fear  
Abl.sg | v.pre3sg | nom.sg | abl.sg | v.pre3sg | nom.sg

**Tañhāya vippamuttassa, natthi soko kuto bhayaṃ.**  
From craving | to one who is free | there is no | sorrow | from where | fear  
Abl.sg | dat.sg | indec. + v.pres 3sg (to be) [na + atthi ] | nom.sg | abl.sg | nom.sg

**Jāyatī = jāyati (sometimes change in verse to fill syllable)**

*Sorrow springs due to craving,  
Due to craving springs fear;  
For one who is free from craving,  
There is no sorrow; whence fear?*

Do tham ái sàu muộn sanh ra. Do tham ái lo sợ sanh ra.  
Đối với người đã thoát khỏi sự tham ái, không có sàu muộn, còn đâu lo sợ.(PC.216).

Tham ái sanh sàu ưu,  
Tham ái sanh sợ hãi,  
Ai giải thoát tham ái,  
Không sàu, đâu sợ hãi? (HT Minh Châu).

**tañhā** (f) = craving: tham ái.

**tañhāya** (abl.sing) = due to craving : do tham ái. [second ‘tañhāya’ means ‘from craving’]

**tañhāya jāyatī soko** = sorrow arises due to craving [in the first ‘tañhāya’ (abl.) is used in the sense of cause]

**jāyatī** [√jana {to arise} + ya + ti] = springs, arises: khởi sanh.

**soko** [soka] (m,nom.sing) = sorrow: sàu muộn.

**bhayaṃ** [bhaya] (nt,nom.sing) = fear: sợ hãi.

**vippamuttassa** (dat.sing) [vi + pamuttassa] = to a person who is free: đối với người đã thoát khỏi. [‘in one who is free’ is also possible]

**natthi** (na + atthi) = there is not, does not exist: không có.

**kuto bhayaṃ**: from where fear? [from where can fear arise? ] còn đâu lo sợ.

**kuto** (ind.abl) = whence, from where: từ đâu